

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHỤ LỤC

**Quy định về hộ gia đình có mức sống trung bình không thuộc hộ làm
nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp**

1. Đối tượng áp dụng

a) Quy định tại Điều này áp dụng đối với hộ gia đình có mức sống trung bình không thuộc hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này.

b) Quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025.

2. Phương pháp xác định

Xác định thu nhập của hộ gia đình trong vòng 12 tháng trước thời điểm rà soát và không tính các khoản trợ cấp hoặc trợ giúp xã hội từ ngân sách nhà nước vào thu nhập của hộ gia đình. Cụ thể:

a) Thu thập thông tin chung của hộ gia đình, ước lượng thu nhập bình quân của hộ gia đình/tháng, thông tin của các thành viên trong hộ.

b) Xác định thu nhập của hộ trong 12 tháng qua: Tổng thu và tổng chi từ tiền lương, tiền công, thu nhập từ sản xuất kinh doanh, buôn bán nhỏ, thu nhập từ sở hữu tài sản, đầu tư tài chính, chuyển nhượng, thu nhập khác trong 12 tháng tính đến ngày nhận Giấy đề nghị xác nhận hộ có mức sống trung bình; xác định mức thu nhập bình quân của hộ gia đình, mức thu nhập bình quân người trong hộ (trong đó, tổng mức thu nhập bình quân của hộ gia đình = tổng thu - tổng chi; thu nhập bình quân người/tháng = tổng thu nhập của hộ gia đình/nhân khẩu của hộ/12 tháng).

3. Thời gian rà soát, xác định

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chỉ đạo việc tổ chức rà soát, xác định hộ gia đình có mức sống trung bình được quy định tại Điều này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị xác nhận hộ có mức sống trung bình. Trường hợp Giấy đề nghị xác nhận hộ có mức sống trung bình được gửi qua đường bưu điện thì thời hạn này được tính theo dấu đến của bưu điện.

4. Chuẩn hộ có mức sống trung bình: Thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP.

5. Quy trình xác định

Bước 1: Đại diện hộ gia đình có Giấy đề nghị xác nhận hộ có mức trung bình theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết này gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký thường trú. Giấy đề nghị xác nhận hộ có mức trung bình có thể nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

Bước 2: Sau khi nhận được Giấy đề nghị xác nhận hộ có mức trung bình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo việc tổ chức rà soát, xác định thu nhập của hộ gia đình theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Bước 3: Ngay sau khi kết thúc rà soát, Ủy ban nhân dân cấp xã niêm yết, thông báo công khai kết quả rà soát, xác định thu nhập của hộ gia đình tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời hạn 05 ngày làm việc, tổ chức phúc tra trong thời gian 03 ngày làm việc (*trong trường hợp có khiếu nại kết quả rà soát, xác định*).

Bước 4: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận hộ có mức sống trung bình theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị quyết này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bắt đầu rà soát tại Bước 2. Trường hợp không thuộc hộ thuộc chuẩn mức sống trung bình được quy định tại Khoản 3 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do./.

Mẫu số 01. Giấy đề nghị xác nhận hộ gia đình có mức sống trung bình không thuộc hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN HỘ CÓ MỨC SỐNG TRUNG BÌNH KHÔNG THUỘC
HỘ LÀM NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, NGƯ NGHIỆP VÀ DIÊM NGHIỆP**

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn.....¹

Họ và tên:....., Giới tính (1: Nam; 2: Nữ):.....

Sinh ngày..... tháng..... năm....., Dân tộc:

Số CCCD/CMND:..... Ngày
Cấp:...../...../.....

Nơi thường trú:.....

Nơi ở hiện tại:.....

Thông tin các thành viên của hộ:

TT	Họ và tên	Giới tính (1: Nam; 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Quan hệ với chủ hộ (Chủ hộ/vợ/chồng/bố/mẹ/con...)	Tình trạng (Có việc làm/ Không có việc làm/ Đang đi học)
01					
02					
03					
...					

Lý do đề nghị:.....

.....

....., ngày tháng..... năm
NGƯỜI ĐỀ NGHỊ
(Ký, ghi rõ họ tên)

¹ Nơi người đề nghị đăng ký thường trú

Mẫu số 02. Phiếu khảo sát, xác định hộ có mức sống trung bình không thuộc hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp

KHẢO SÁT THU NHẬP HỘ GIA ĐÌNH

Tỉnh/Thành phố:

Huyện/Quận:

Xã/Phường:

Thôn/Bản/Ấp/Tổ dân phố:

I. THU THẬP THÔNG TIN CHUNG VỀ HỘ GIA ĐÌNH

Họ và tên: Giới tính (Nam, Nữ):

Ngày sinh:/...../..... Dân tộc:

Số CCCD/CMND: Ngày cấp:

Nơi thường trú:

.....

Nghề nghiệp:

Nơi ở hiện tại:

Ước tính thu nhập bình quân của gia đình/tháng (ngàn đồng/tháng):

Thông tin các thành viên trong hộ:

Số TT	Họ và tên	Quan hệ với chủ hộ (Chủ hộ, vợ, chồng, con...)
01		
02		
03		
...		

II. XÁC ĐỊNH THU NHẬP CỦA HỘ 12 THÁNG QUA

1. Thu nhập của hộ là toàn bộ các khoản thu nhập mà các thành viên của hộ nhận được trong 12 tháng tính đến ngày nhận Giấy đề nghị xác nhận hộ có mức sống trung bình không thuộc hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Nguồn thu	Tổng thu ²	Tổng chi ³
(1) Thu nhập từ tiền lương, tiền công và thu nhập từ sản xuất kinh doanh, buôn bán nhỏ:		
1. Thu nhập từ tiền lương, tiền công⁴ và các khoản có tính chất như tiền lương, tiền công (phụ cấp, thưởng,...)		
2. Lương hưu		

² Tổng thu = Giá trị đã bán/đổi/cho/biểu/tặng + Giá trị để lại sử dụng (phục vụ sản xuất kinh doanh và tiêu dùng)

³ Tổng chi phí = Nguyên vật liệu chính, phụ, thực liệu... + Năng lượng, nhiên liệu + Chi khác

⁴ Tính cả tiền mặt và hiện vật quy đổi thành tiền

3. Thu nhập từ sản xuất kinh doanh (bao gồm cả các hoạt động phi nông, lâm, thủy sản); Lợi nhuận từ làm chủ hoặc tham gia làm chủ doanh nghiệp/HTX/Cơ sở kinh doanh cá thể; Kinh doanh, buôn bán nhỏ (tính cả sản phẩm bán ra và sản phẩm tiêu dùng trong gia đình)		
(2) Thu nhập khác, bao gồm:		
1. Thu nhập từ sở hữu tài sản, đầu tư tài chính, bao gồm: thu nhập từ cho thuê nhà cửa/đất đai/tài sản, lãi gửi tiết kiệm, lãi đầu tư, cổ phần, cổ tức, cho vay, góp vốn...		
2. Thu nhập từ chuyển nhượng, bao gồm: tiền gửi về từ bên ngoài, từ kiều hối ⁵ , từ quà cho/biểu/tặng/mừng/giúp...		
3. Thu nhập khác: các khoản thu nhập làm tăng thu nhập chưa kể trên như trúng xổ số, vui chơi có thưởng, thu từ hái lượm...		
Tổng cộng		

Lưu ý: Các khoản thu không được tính vào thu nhập gồm: Tiền rút tiết kiệm, thu nợ, bán tài sản (nhà, đất, tài sản khác...), khoản vay nợ, tạm ứng và các khoản chuyển nhượng vốn do liên doanh, liên kết trong sản xuất, kinh doanh, bồi thường đất do giải tỏa, các khoản trợ cấp hoặc trợ giúp xã hội từ ngân sách nhà nước.

2. Xác định mức thu nhập bình quân của hộ gia đình

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	Giá trị
1. Tổng thu nhập của hộ gia đình (= Tổng thu tại khoản 1 - Tổng chi tại khoản 1)	
2. Thu nhập bình quân người/ tháng (Tổng thu nhập của hộ gia đình tại khoản 1/số nhân khẩu của hộ/12 tháng)	

III. KẾT LUẬN

Hộ gia đình có mức sống trung bình⁶:

- Có

- Không

Ghi chú: đánh dấu X vào ô tương ứng.

Ngày tháng năm ...

ĐẠI DIỆN HỘ GIA

ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO

RÀ SOÁT VIÊN

⁵ Không bao gồm các khoản tiền do người ngoài thành viên hộ gửi về từ nước ngoài với mục đích trả nợ/nhờ giữ hộ... (không dùng cho sinh hoạt của hộ)

⁶ - Hộ gia đình có mức sống trung bình khu vực nông thôn: có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.500.000 đồng đến 2.250.000 đồng.

- Hộ gia đình có mức sống trung bình khu vực thành thị: có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

ĐÌNH
(Ký, ghi rõ họ tên)

RÀ SOÁT CẤP XÃ
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 03. Quyết định công nhận hộ gia đình có mức sống trung bình không thuộc hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp

ỦY BAN NHÂN DÂN

.....(1).....

Số:/QĐ-UB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận danh sách hộ có mức sống trung bình không thuộc hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN ... (1)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 67/2019/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thông qua Đề án cho vay tiêu dùng từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi hoạt động “tín dụng đen” trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số .../.../NQ-HĐND ngày ... tháng ... năm ... của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 67/2019/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án cho vay tiêu dùng từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi hoạt động “tín dụng đen” trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Quyết định số .../.../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... về sửa đổi, bổ sung Đề án cho vay tiêu dùng từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi hoạt động “tín dụng đen” trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Theo đề nghị của..... (3)

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh sách hộ có mức sống trung bình (không phải hộ làm nông lâm ngư nghiệp) trên địa bàn ... (1)....

(Danh sách chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã, công chức được giao nhiệm vụ làm công tác giảm nghèo, thống kê và các công chức cấp xã liên quan, Trưởng các thôn (tổ dân phố, bản, buôn, khóm, ấp) và các hộ gia đình có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như Điều 4;

- Thường trực Đảng ủy xã/ phường/ thị trấn;
- Thường trực HĐND xã/ phường/ thị trấn;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã/ phường/ thị trấn;
- UBND huyện/ quận/ thị xã/ thành phố;
- Phòng LĐTBXH huyện, quận/ thị xã, thành phố;
- Lưu VT.

Mẫu số 04. Giấy xác nhận thu nhập bình quân đầu người/tháng của hộ gia đình áp dụng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đang làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở tỉnh, huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn, ở lực lượng vũ trang đang công tác tại địa bàn tỉnh Kon Tum

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

**GIẤY XÁC NHẬN THU NHẬP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI/THÁNG
CỦA HỘ GIA ĐÌNH**

Họ và
tên:.....

Sinh ngày: Nơi
sinh:.....

Số CCCD:.....Ngày cấp.....
.....

Địa chỉ:.....
.....

Chức vụ:.....
.....

Đơn vị công tác:.....
.....

Điện thoại:.....
.....

Lý do đề nghị xác nhận thu nhập bình quân đầu người/tháng của hộ gia đình:
.....
.....
.....
.....

Thông tin về thu nhập của các thành viên trong hộ gia đình của người kê khai:

Số TT	Họ và tên	Quan hệ với người kê khai (vợ, chồng, con...)	Thu nhập (đvt: đồng/tháng)
01			
02			
03			
04			
05			
...			

Tổng thu nhập của các thành viên trong gia đình: đồng/ tháng.

Thu nhập bình quân của hộ gia đình: đồng/ tháng (bằng tổng thu nhập của hộ gia đình chia cho số người trong hộ gia đình).

Tôi xin cam đoan, chịu trách nhiệm số liệu kê khai thu thập của từng người trong hộ gia đình nêu trên./.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Xác nhận của đơn vị công tác

*Xác nhận các thông tin về
thu nhập nêu trên là chính xác*

Thủ trưởng đơn vị

Người kê khai

Ký và ghi rõ họ tên